TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 05-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Bà Sơn Nữ Phà Ca

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLPT – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Phương Khả N; cư trú tại: Ấp P, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Trần Vũ T; cư trú tại: Ấp P, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Vũ T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Phương Khả N trình bày:

Chị và anh Trần Vũ T kết hôn vào ngày 22/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, hay ăn

nhậu, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị khuyên can nhưng anh T không sửa chữa. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Trần Anh Q, sinh ngày 05/6/2012 và Trần Kim N1, sinh ngày 20/3/2017 hiện nay do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu anh T nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2019, bị đơn anh Trần Vũ T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về việc kết hôn, con chung và mâu thuẫn giữa vợ chồng. Tuy nhiên anh và chị N không có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến phải ly hôn. Nhiều lần anh liên lạc với chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Việc chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ thương con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý giao 02 con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Phương Khả N. Cho chị N được ly hôn với anh Trần Vũ T.

Về con chung: Giao 02 cháu Trần Anh Q, sinh ngày 05/6/2012 và Trần Kim N1, sinh ngày 20/3/2017 cho chị Bùi Phương Khả N được tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc anh Trần Vũ T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Bùi Phương Khả N và anh Trần Vũ T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2019, bị đơn anh Trần Vũ T kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu Trần Anh Q, sinh ngày 05/6/2012. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu Q. Anh đồng ý giáo cháu Trần Kim N1, sinh ngày 20/3/2017 cho chị N nuôi

dưỡng. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N1. Tại phiên tòa phúc thẩm anh đồng ý giao 02 con cho chị N nuôi, anh đề nghị được tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, không đồng ý buộc phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N và anh T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 01 năm 2019 đến nay chị N và anh T không còn chung sống với nhau. Về quan hệ hôn nhân, cấp sơ thẩm xử cho chị N được ly hôn với anh T, phần này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Anh T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Anh Q, sinh ngày 05/6/2012, anh đồng ý giao cháu Trần Kim N1, sinh ngày 20/3/2017 cho chị N nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N1. Tại phiên tòa phúc thẩm anh đồng ý giao 02 con cho chị N nuôi dưỡng.

Xét việc cha mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi con phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ.

Nhận thấy cháu Trần Anh Q, sinh ngày 05/6/2012, cháu Trần Kim N1, sinh ngày 20/3/2017, sau khi chị Nhi và anh T không còn chung sống với nhau, từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, các cháu đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N1 là con gái hiện nay dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, con dưới 36 tháng tuổi do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp sơ thẩm đã giao cháu N1 cho chị N nuôi là có căn cứ. Đối với cháu Trần Anh Q, tính đến nay đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng chung sống với mẹ, chị N có đủ điều kiện nuôi con, từ khi trực tiếp nuôi đến nay, cháu Q được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu phát triển bình thường, vẫn học tiểu học. Mặt khác nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh T thừa nhận do anh thường xuyên uống rượu, cờ bạc vì vậy nếu giao con cho anh nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến việc giáo dục con cái. Vì vậy cấp sơ thẩm giao cháu Q và cháu N1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[3] Tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; đây là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh của các bên, về nhu cầu thiết yếu của cháu Q và cháu N1, buộc anh T phải cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không xác định thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con và phân chia mức cấp dưỡng cho mỗi người con là thiếu sót. Vì vậy cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm, tính thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày tuyên án sơ thẩm,

mức cấp dưỡng mỗi người con 750.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vì vậy kháng cáo của anh T không đồng ý cấp dưỡng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T về việc không đồng ý cấp dưỡng nuôi con sửa một phần bản án sơ thẩm về việc phân chia mức cấp dưỡng cho mỗi người con 750.000 đồng/tháng. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ, xem xét quá trình nuôi dưỡng cháu Q, cháu N1 của chị N nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Vũ T và sửa một phần Bản án số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long;

Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao cháu Trần Anh Q, sinh ngày 05/6/2012 và cháu Trần Kim N1, sinh ngày 20/3/2017 cho chị Bùi Phương Khả N được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Vũ T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q và cháu N1 mỗi cháu 750.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến các cháu khi đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

2. Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh T 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 2252 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, đối với các khoản tiền phải trả, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHL: 01b;
- THADSHL: 02b;
- UBND xã A: 01b
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án: 03b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn